

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 37/2021/ HS - ST
Ngày 30- 3- 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh

2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang

- Thư ký phiên Tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh- Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên Tòa: Bà Đặng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2021/TLST - HS ngày 12 tháng 3 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST- HS ngày 16/3/2021 đối với:

Bị cáo **Phạm Văn H**, sinh ngày 27 tháng 8 năm 1999.

Nơi cư trú: Thôn PhM, xã ĐC, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Th (Đã chết) và bà Lê Thị M. Bị cáo chưa có vợ.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tốt. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 31/12/2020 đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên Tòa).

*** Bị hại:**

- Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1994. Trú tại: Tổ dân phố A Ph, thị trấn KX, huyện KX, tỉnh Thái Bình.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Lã Tiểu Ngọc T A, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã ĐS, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình.

- Anh Nguyễn Như T, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn Cổ Dũng, xã Đông La, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình.

- Anh Phạm Văn H, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn Thuận Túy, xã Đông La, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình. (Có mặt: Chị D; vắng mặt: Anh Lã Tiểu Ngọc T A, anh Nguyễn Như T, anh Phạm Văn H).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Phạm Văn H và chị Nguyễn Thị Thùy D có thuê ở cùng dãy nhà trọ của bà Khổng Thị Phú, sinh năm 1955, cư trú tại số nhà 15/27, ngõ 259, đường Ngô Thị Nhậm, tổ 10, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Ngày 15/9/2020 tại khu nhà trọ H hỏi mượn chị D 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu sơn Đen- Đỏ biển số đăng ký 17B7 - 362.06 trị giá 30.000.000 đồng để đi về quê. Do tin tưởng H nên chị D đã đồng ý và giao xe cùng chìa khóa xe trên cho H mượn. Những ngày sau đó H vẫn sử dụng chiếc xe trên chở chị D đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình để làm việc. Ngày 19/9/2020 tại nhà trọ, do không có tiền chi tiêu cá nhân H nảy sinh ý định mang chiếc xe mô tô trên của chị D đi cầm cố lấy tiền. H điều khiển xe của chị D từ nhà trọ đi đến hiệu cầm đồ Như T địa chỉ tại thôn Cổ Dũng, xã Đông La, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình do anh Nguyễn Như T làm chủ để cầm cố. Khi đến hiệu cầm đồ H gặp anh Lã Tiểu Ngọc T Anh, sinh năm 1998, cư trú tại xã ĐS, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình là nhân viên của hiệu cầm đồ Như T. H nói với T Anh “*Mày cầm cho tao cái xe này*”, T Anh trả lời “*Xe này của ai giấy tờ đâu ?*” H trả lời “*Xe này của chị tao giấy tờ của chị tao vẫn cầm, có giấy tờ thì cầm được bao nhiêu?*” T Anh nói “*Có giấy tờ thì cầm được 20.000.000 đồng*” H nói “*Thế giờ lấy trước 7.000.000 đồng khi nào cầm giấy tờ xuống thì lấy thêm*”. T Anh đồng ý và nói lãi suất cầm đồ là 2.000 đồng/ 1.000.000 đồng/1 ngày rồi viết cho H một giấy cầm đồ với nội dung: Cầm cố chiếc xe Honda Lead đeo biển số 17B7 - 362.06 với giá 20.000.000 đồng thời hạn cầm cố xe là một tháng (từ ngày 19/9/2020 đến 19/10/2020). H nhận trước từ T Anh 7.000.000 đồng và ký vào giấy xác nhận cầm đồ rồi giao căn cước công dân của H và chìa khóa xe

cùng xe của chị D cho T Anh rồi nói “*Mai tao mang giấy tờ xuống và lấy thêm tiền*”. Do H và chị D hay nấu cơm ăn cùng nhau tại phòng trọ của H nên H biết chị D hay để ví ở phòng H, trong ví có giấy tờ xe của chị D. Ngày 25/9/2020 thấy chị D để ví ở phòng trọ của H nên H đã mở ví lấy 01(một) đăng kí xe, 01 (Một) bảo hiểm xe mô tô, 01 (Một) giấy phép lái xe mô tô đều mang tên Nguyễn Thị Thùy D mục đích mang đến gặp anh T Anh để lấy thêm tiền. Sau đó, H mang toàn bộ số giấy tờ trên xuống đưa cho anh T Anh ở quán cầm đồ Như T để lấy căn cước công dân của H và lấy thêm số tiền 13.000.000 đồng. Tổng số tiền 20.000.000 đồng cầm cố xe mô tô của chị D, H chi tiêu cá nhân hết. Sau khi không thấy H đi xe về nhà trọ chị D có hỏi H thì H đã nói dối chị D xe hỏng em để dưới quê, xe bị công an bắt, xe cho bạn mượn. Ngày 04/12/2020 chị D tổ chức đám cưới nên H nói dối chị D đã mang xe trả để ở rạp cưới nhưng bị mất, mục đích để chị D không đòi xe nữa. Sau khi cầm cố xe trên H không trả lãi cho anh T Anh nên ngày 16/10/2020 anh T Anh gọi cho H để thông báo sắp hết hạn cầm cố xe nếu không xuống trả lãi sẽ thanh lý xe. Do đến ngày 01/11/2020 H không xuống trả lãi và không liên lạc gì nên anh T chủ hiệu cầm đồ Như T đã bảo anh T Anh thanh lý chiếc xe H cầm cố. Ngày 01/11/2020 anh T Anh đã bán chiếc xe trên cho anh Phạm Văn H, sinh năm 1989, cư trú tại thôn Thuận Túy, xã Đông La, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình với giá 30.000.000 đồng. Sau khi mua xe của anh T Anh, anh H đã bán xe cùng giấy đăng ký xe cho một người đi đường không rõ tên tuổi địa chỉ ở đâu, không làm giấy tờ mua bán.

- Tại bản kết luận số 48 ngày 14/12/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Thái Bình kết luận: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu sơn Đen - Đỏ biển số 17B7 - 362.06 (Đã qua sử dụng) trị giá: 30.000.000 đồng.

Tại phiên Tòa bị cáo H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tỉnh Thái Bình đã truy tố đối với bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 39/CT- VKSTPTB ngày 11/3/2021, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Phạm Văn H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo H về tội danh và điều luật như bản cáo trạng số 39/CT- VKSTPTB và đề nghị Hội đồng xét xử.

Áp dụng khoản 1 điều 175, điểm i, s khoản 1 điều 51, điều 38, điều 50 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn H. Xử phạt bị cáo H từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù về tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo H phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho chị D là 30.000.000 đồng. Anh Lã Tiểu Ngọc T A, anh Nguyễn Như T và anh Phạm Văn H đều không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm nên không phải giải quyết. Không áp dụng hình phạt bổ sung và đề nghị xử lý vật chứng.

Bị cáo H, chị D không có ý kiến gì tranh luận với Kiểm sát viên về bản luận tội đối với bị cáo tại phiên Tòa. Bị cáo H nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không khiếu nại hay có ý kiến gì nên các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp.

[2]. Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên Tòa hôm nay phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như:

- Đơn trình báo và biên bản ghi lời khai của bị hại chị Nguyễn Thị Thùy D;

- Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu do Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình lập hồi 17 giờ ngày 07/12/2020 tại cửa hàng cầm đồ Như T, xã Đông La, huyện DH, tỉnh Thái Bình;

- Bản kết luận số 48 ngày 14/12/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Thái Bình kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu sơn Đen - Đỏ biển số 17B7 - 362.06 (đã qua sử dụng) trị giá: 30.000.000 đồng;

- Lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Lã Tiểu Ngọc T Anh, anh Nguyễn Như T và anh Phạm Văn H;

- 01 phiếu cầm đồ của quán cầm đồ Như T, 01 bảo hiểm dân sự xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu sơn đỏ đen, biển số 17B7-362.06;

- 01 bằng lái xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Thùy D.

Từ những tình tiết và chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do cùng thuê phòng trọ tại khu nhà trọ của bà Khổng Thị Phú, sinh năm 1955, địa chỉ số nhà 15/27, ngõ 259, đường Ngô Thị Nhậm, tổ 10, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nên Phạm Văn H có quen biết chị Nguyễn Thị Thùy D. Ngày 15/9/2020, H mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu sơn Đen- Đỏ biển số đăng ký 17B7 - 362.06 trị giá 30.000.000 đồng để về quê. Do không có tiền chi tiêu cá nhân nên ngày 19/9/2020, H đã nảy sinh ý định và mang xe của chị D đi cầm cố lấy số tiền tiền 20.000.000 đồng chi tiêu cá nhân hết không có khả năng lấy lại xe trả chị D. Do đó, hành vi của bị cáo H đã phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 điều 175 Bộ luật hình sự như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người đúng tội đúng pháp luật.

Điều 175. Tội lạm dụng chiếm đoạt tài sản

1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt

tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

.....
5. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.*

[3]. Đánh giá tính chất mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn H là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về hình phạt:

- Về hình phạt chính: Hành vi của bị cáo H mượn xe mô tô của chị D cầm cố cho Anh Lã Tiểu Ngọc T Anh hiệu cầm đồ Như T lấy số tiền 20.000.000 đồng chi tiêu cá nhân. Do đó hành vi của bị cáo cần thiết phải xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo H có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bản thân bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Chị D yêu cầu bị cáo H phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm trị giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu sơn Đen- Đỏ 30.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho chị D 30.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh Lã Tiểu Ngọc T Anh, anh Nguyễn Như T và anh Phạm Văn H đều không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm nên không phải giải quyết.

[7]. Về vật chứng:

- Đối với một mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu sơn Đen - Đỏ biển kiểm số 17B7 – 362.06 quá trình điều tra không thu hồi được chiếc xe trên, nên cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình đã ra thông báo truy tìm vật chứng là chiếc xe mô tô trên.

- Đối với 01 giấy bảo hiểm tự nguyện cho xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu sơn Đen- Đỏ biển số 17B7-362.06 (đã hết hạn sử dụng) và giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Thị Thùy D, chị D đã xin cấp lại giấy tờ trên nên không nhận lại Cơ quan điều tra đã lưu hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận Cơ quan điều tra đã chuyển lưu vào hồ sơ vụ án hình sự để làm chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8]. Về vấn đề khác trong vụ án:

- Đối với anh Lã Tiểu Ngọc TA là nhân viên hiệu cầm đồ Như T do anh Nguyễn Như T là chủ hiệu cầm đồ, đã nhận cầm đồ chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Lead màu sơn Đen - Đỏ biển số đăng ký 17B7-362.06. Quá trình điều tra xác định anh T Anh và anh T không biết chiếc xe máy trên do H phạm tội mà có, việc cầm cố có đủ giấy tờ và giá trị cầm cố cũng như lãi suất phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với anh T Anh và anh T. Tuy nhiên việc nhận cầm cố chiếc xe trên của chị D từ H đã vi phạm điểm e, khoản 2, Điều 11 NĐ 167/2013/NĐ/CP (cầm cố tài sản thuộc sở H của người khác mà không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố). Công an thành phố Thái Bình có công văn gửi Công an huyện ĐH, tỉnh Thái Bình ra quyết xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật là hoàn toàn phù hợp.

- Đối với anh Phạm Văn H là người mua chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Lead màu sơn Đen- Đỏ biển số đăng ký 17B7- 362.06. Quá trình điều tra xác định anh H không biết chiếc xe máy trên do H phạm tội mà có, việc mua bán là ngay tình và giá trị mua bán tương đương với giá trị xe theo định giá. Do đó, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với anh H là hoàn toàn phù hợp.

[9]. Về án phí: Bị cáo H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[10].Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 175, điểm i, s khoản 1 điều 51, điều 38, điều 50, điều 47 Bộ luật hình sự. Điều 106, điều 135, điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 589, điều 468 Bộ luật dân sự. Điều 23 nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Văn H phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho chị Nguyễn Thị Thùy D 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Anh Lã Tiểu Ngọc T Anh, anh Nguyễn Như T và anh Phạm Văn H đều không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm nên không phải giải quyết.

4. Về vật chứng:

- Chuyển lưu vào hồ sơ vụ án hình sự thụ lý số 35/2021 ngày 12/3/2021 một giấy bảo hiểm tự nguyện cho xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu sơn Đen - Đỏ biển số 17B7-362.06 (Đã hết hạn sử dụng) và một giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Thị Thùy D.

5. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm trả theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Văn H, chị Nguyễn Thị Thùy D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 30/3/2021. Anh Lã Tiểu Ngọc T A, anh Nguyễn Như T và anh Phạm Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TB.
- VKSND thành phố TB, tỉnh Thái Bình;
- Công an thành phố TB, tỉnh Thái Bình;
- THA thành phố TB, tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng.
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh